

Bản án số: 48/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 22/6/2018

V/v tranh chấp về ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R
TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Đức Luân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Minh Châu

2. Ông Trương Hoài Khanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Danh Tường Vi – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố R xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 384/2017/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 11 năm 2017 về việc “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Lăng Tý N**, sinh năm 1993 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố P, P. V, TP. R, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Anh **Ngô Quốc H**, sinh năm 1991 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố V1, P. V, TP. R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/8/2017 và lời khai trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn – chị Lăng Tý N trình bày: Chị và anh H tự quen nhau, tổ chức lễ cưới vào tháng 5/2012, sau đó hai người đi đăng ký kết hôn tại UBND phường V, TP. R, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 03/7/2012.

Vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn từ tháng 6/2012 và sống ly thân từ cuối tháng 02/2013 cho đến nay.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Từ khi kết hôn cho đến nay, vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, thường hay mâu thuẫn. Chủ yếu là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cách sống, liên quan việc anh H không lo làm ăn, thường hay ăn nhậu, về nhà là kiếm chuyện, mắng chửi, đôi lúc đánh đập chị. Từ khi sống ly thân cho đến nay, cả hai người đều không gặp nhau để hòa giải hàn gắn tình cảm do mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng. Cảm thấy không thể sống chung với nhau được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Không có, chị N xác định hiện nay không có mang thai.

- Về tài sản chung, nợ chung: chị N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị N cam kết ly hôn không nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ về tài sản và nợ đối với người khác.

- Tại biên bản lấy lời khai lập ngày 20/4/2018, bị đơn – anh Ngô Quốc H trình bày: Anh và chị N tự quen nhau, có tổ chức lễ cưới nhưng không nhớ rõ thời gian, sau đó hai người đi đăng ký kết hôn tại UBND phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày ngày 03/7/2012. Từ khi chung sống cho đến nay, vợ chồng không có con chung. Hai người bắt đầu mâu thuẫn và sống ly thân cách nay khoảng 04 năm, nguyên nhân chủ yếu là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cách sống, tình cảm vợ chồng, chị N hay ghen vô cớ nên hai người thường xuyên cự cãi, không ai quan tâm đến ai. Nay anh có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm mở phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Những người tham gia phiên tòa đã chấp hành tốt, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 89, 91 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để xem xét, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn – Chị Lăng Tý N yêu cầu ly hôn với bị đơn – anh Ngô Quốc H nên quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên là “Tranh chấp về ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Các đương sự tranh chấp về quan hệ hôn nhân, bị đơn có nơi cư trú tại TP. R, tỉnh Kiên Giang. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP. R, tỉnh Kiên Giang.

[3] Bị đơn – anh Ngô Quốc H có đơn xin vắng mặt toàn bộ các giai đoạn tố tụng của Tòa án và đã vắng mặt tại phiên tòa hôm nay. Nguyên đơn – chị Lăng Tý N yêu cầu xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quyết định xét xử vắng mặt bị đơn – anh Ngô Quốc H.

Về nội dung vụ án:

[1] Xét yêu cầu ly hôn: Chị N và anh H tự quen nhau, sau đó quyết định tiến tới hôn nhân, hai người đi đăng ký kết hôn tại UBND phường V, TP. R, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 03/7/2012; như vậy, việc kết hôn của chị N và anh H đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 11 và Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên quan hệ hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Qua lời khai trong suốt quá trình giải quyết vụ án, chị N và anh H đều thừa nhận trong quá trình chung sống, vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn; chị N cho rằng nguyên nhân chủ yếu là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cách sống, liên quan việc anh H không lo làm ăn, thường hay ăn nhậu, về nhà là kiếm chuyện, mắng chửi, đôi lúc đánh đập chị; anh H thì cho rằng nguyên nhân chủ yếu là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cách sống, tình cảm vợ chồng, chị N hay ghen vô cớ nên hai người thường xuyên cự cãi, không ai quan tâm đến ai. Hiện nay chị N và anh H xác định giữa hai người đều không còn tình cảm với nhau, mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng nên anh, chị thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn nhưng do anh H vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không thể công nhận thuận tình ly hôn cho chị N và anh H. Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa chị N và anh H không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài và việc chị N, anh H đồng ý ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của Điều 89 và Điều 90

của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; do đó, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lăng Tý N đối với anh Ngô Quốc H.

[2] Về quan hệ con chung: Chị N và anh H xác định vợ chồng không có con chung, hiện nay chị N không có mang thai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh H xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn – chị Lăng Tý N.

[4] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn – chị Lăng Tý N phải chịu nghĩa vụ nộp số tiền án phí: 300.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng mà chị N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009564, ngày 13/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố R nên chị N không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng các Điều 89, 91 của Luật hôn nhân gia đình năm 2000;
- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – chị Lăng Tý N, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lăng Tý N được ly hôn với anh Ngô Quốc H.
- Về quan hệ con chung: Chị N và anh H xác định vợ chồng không có con chung, hiện nay chị N không có mang thai, không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.
- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Chị N và anh H xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn – chị Lăng Tý N phải chịu nghĩa vụ nộp số tiền án phí: 300.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000

đồng mà chị N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009564, ngày 13/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố R, nên chị N không phải nộp thêm.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. R;
- Chi cục THA dân sự TP. R;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Đức Luân